

SỰ PHÁT TRIỂN CÁC TIỂU VÙNG KINH TẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐINH TRỌNG THU*

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế của tỉnh Quảng Bình đã có những chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giảm dần tỷ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp và tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Về mặt lãnh thổ sản xuất, dựa trên vị trí địa lý, sự phân hóa về điều kiện tự nhiên và về điều kiện kinh tế xã hội của các huyện miền núi và các huyện ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã hình thành các tiểu vùng kinh tế.

- Tiểu vùng duyên hải phía Bắc gồm: thành phố Đồng Hới và các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch.

- Tiểu vùng duyên hải phía Nam gồm: huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy.

- Tiểu vùng miền núi phía Tây gồm: huyện Tuyên Hóa và huyện Minh Hóa.

1. Tiểu vùng duyên hải phía Bắc

Tiểu vùng duyên hải phía Bắc có diện tích 2.894 km², chiếm 35,9% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh và dân số năm 2010 là 497.116 người chiếm 58,5% tổng dân số của tỉnh Quảng Bình. Tiểu vùng gồm thành phố Đồng Hới, huyện Quảng Trạch và huyện Bố Trạch. Thành phố Đồng Hới có chức năng là đô thị hạt nhân của tiểu vùng.

Tiểu vùng duyên hải phía Bắc có điều kiện giao thông rất thuận lợi. Về đường bộ có quốc lộ 1A, quốc lộ 12A, nối tiểu vùng với cả nước, quốc lộ 15 nối tiểu vùng với huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa sang nước Cộng hòa dân chủ nhân

dân Lào. Về đường sắt, có đường sắt Bắc - Nam chạy qua với ga chính là ga Đồng Hới và nhiều ga phụ. Về đường biển, tiểu vùng giáp biển Đông với cảng Gianh. Về đường sông, có sông Roòn, sông Lý, sông Dinh. Về đường hàng không, có sân bay Đồng Hới. Ngoài ra, còn có các đường tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên xã, liên thôn.

Tài nguyên đất khá tốt so với các khu vực khác trong tỉnh, có khả năng phát triển được cả cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày. Tiểu vùng có đường bờ biển khá dài với ngư trường rộng hàng trăm hải lý với nguồn hải sản phong phú có giá trị kinh tế cao.

Tiểu vùng là nơi tập trung nhiều cơ sở công nghiệp lớn của tỉnh như nhà máy xi măng Thanh Đường, gạch tuynel Ba Đồn, phân bón sông Gianh, nhà máy đường, có các danh thắng nổi tiếng như Phong Nha - Kẻ Bàng, bãi tắm Đá Nhảy...thuận lợi cho phát triển du lịch.

Nhờ có những lợi thế đó nên nền kinh tế tiểu vùng duyên hải phía Bắc khá phát triển so với các tiểu vùng khác trong tỉnh. Giá trị sản xuất (GTSX) của tiểu vùng liên tục tăng, năm 2000 là 2.885 tỷ đồng (69,9% GTSX của cả tỉnh), năm 2005 là 6.251,5 tỷ đồng (72% GTSX của cả tỉnh) và năm 2010 là 16.435,9 tỷ đồng (66% GTSX của cả tỉnh). Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo xu hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

BẢNG 1: Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất tiểu vùng duyên hải phía Bắc

Ngành	Đơn vị	2000	2005	2010
Nông - lâm - ngư nghiệp	%	25,1	19,8	20,6
Công nghiệp - xây dựng	%	38,7	46,2	34,0
Thương mại - dịch vụ	%	36,2	34,0	45,4

Đinh Trọng Thu. ThS., Viện Địa lí nhân văn.

Tiểu vùng duyên hải phía Bắc là tiểu vùng trọng điểm sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của tỉnh. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2000 là 723 tỷ đồng (59 % GTSX nông nghiệp của tỉnh), năm 2005 là 1.237,8 tỷ đồng (59 % GTSX nông nghiệp của tỉnh) và năm 2010 là 3.390,5 tỷ đồng (56,6 % GTSX nông nghiệp của tỉnh).

- Nông nghiệp

GTSX nông nghiệp năm 2000 là 419,7 tỷ đồng, năm 2005 là 713,7 tỷ đồng và năm 2010 là 3.390,5 tỷ đồng.

Về trồng trọt, sản xuất lương thực là thế mạnh của tiểu vùng. Diện tích cây lương thực khoảng 23.280 ha, chiếm 43,1% diện tích cây lương thực cả tỉnh. Cây lương thực chính vẫn là lúa với diện tích khoảng 21.090 ha, ngô, khoai, sắn khoảng 2.170 ha. Ngoài ra, còn có một số cây thực phẩm khác như rau, đậu các loại. Diện tích cây công nghiệp chiếm khoảng 55,7% tổng diện tích cây công nghiệp của cả tỉnh. Cây công nghiệp gồm mía chiếm 69,9%, lạc chiếm 40%, vừng chiếm 53,8%, cao su chiếm 75%, hồ tiêu chiếm 41% sản lượng của cả tỉnh, chủ yếu trồng ở vùng núi phía tây huyện Bố Trạch vùng có khoảng 1.594,5 ha chiếm 57,3% diện tích cây ăn quả của cả tỉnh. Các loại cây ăn quả chính gồm cam, chanh, dứa, ổi, dưa.

Với các lợi thế về diện tích chăn thả, nguồn thức ăn, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ ngành chăn nuôi của tiểu vùng khá phát triển.

- Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp của tiểu vùng tập trung chủ yếu ở vùng núi phía tây huyện Bố Trạch. Tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp của tiểu vùng đạt 82,1 tỷ đồng năm 2000, 108,9 tỷ đồng năm 2005 và 241,2 tỷ đồng năm 2010. Lâm nghiệp của tiểu vùng chủ yếu tập trung vào việc khoanh nuôi, bảo vệ, tái tạo rừng. Công tác giao đất, giao rừng đạt kết quả khả quan, diện tích rừng trồng không ngừng tăng.

- Thủy sản

Tiểu vùng duyên hải phía Bắc có đường bờ biển tương đối dài, nhiều cửa lạch, ngư trường đánh bắt rộng lớn, ngư dân có truyền thống đánh bắt cá lâu đời, đó là những thuận lợi để phát triển ngành ngư nghiệp. Sản lượng khai thác của tiểu vùng đạt khoảng trên 25.000 tấn,

chiếm 85% sản lượng của cả tỉnh. Trong những năm gần đây, hoạt động nuôi trồng thủy sản của tiểu vùng phát triển khá mạnh. Năm 2010, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 2.000 ha với sản lượng trên 3.200 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản của tiểu vùng năm 2000 là 221,4 tỷ đồng, năm 2005 là 415,2 tỷ đồng và năm 2010 là 1.206,6 tỷ đồng.

+ Công nghiệp - xây dựng: Tiểu vùng duyên hải phía Bắc cũng là khu vực trọng điểm về công nghiệp - xây dựng của tỉnh Quảng Bình. Trong 10 năm qua, sản xuất công nghiệp - xây dựng có chiều hướng phát triển tốt. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng năm 2000 là 1.117,1 tỷ đồng (80% giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của tỉnh), năm 2005 là 2.887,8 tỷ đồng (77% giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của tỉnh) và năm 2010 tăng lên 5.595,6 tỷ đồng (60% giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của tỉnh).

Với lợi thế về tài nguyên vật liệu xây dựng (cao lanh, đá ốp lát, cát thủy tinh công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển với những sản phẩm như gạch tuynel, gạch Ceramic, gạch ngói nung, cao lanh, xi măng. Các cơ sở sản xuất chính như: cơ khí, bia, nước giải khát, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ. Một số nhà máy mới được xây dựng như sản xuất bao bì, gạch ốp tường, lát nền, nhôm định hình...bước đầu tiếp cận một số công nghệ mới với các dây chuyền sản xuất hiện đại. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực chế biến nông-lâm-thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất đời sống nhân dân nhưng quy mô nhỏ bé, sản xuất thủ công là chủ yếu, do vậy năng suất lao động thấp, hiệu quả kinh tế còn hạn chế. Sản phẩm chủ yếu ở dạng thô, nguyên liệu tiêu thụ tại chỗ là chính.

Các cơ sở công nghiệp tập trung chủ yếu ở thành phố Đồng Hới, huyện Quảng Trạch và dọc theo quốc lộ 1A của huyện Bố Trạch, như nhà máy phân vi sinh sông Gianh, xi măng Thạch Tường, gạch tuynel xuất chủ yếu khai thác tại địa bàn địa phương. Các ngành như sửa chữa tàu thuyền, sản xuất sắt xây dựng, khai thác cát, khai thác than bùn

+ **Thương mại - dịch vụ:** Tiểu vùng là khu vực có hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển hơn hẳn so với tiểu vùng duyên hải phía Nam và tiểu vùng miền núi phía Tây, với thành phố Đồng Hới là trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất tỉnh Quảng Bình. Giá trị sản xuất toàn ngành của tiểu vùng là 1.044,7 tỷ năm 2000 tăng lên 2.125,9 tỷ năm 2005 và 7.449,8

tỷ năm 2010, chiếm khoảng 70-80% tổng giá trị sản xuất ngành dịch vụ, thương mại của tỉnh. Hệ thống chợ khá phát triển với những trung tâm thương mại, siêu thị lớn ở thành phố Đồng Hới, với các chợ nổi tiếng sầm uất như Ba Đồn. Ngành du lịch khá phát triển do có lợi thế về di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng, khu Đá Nhảy, và các di tích lịch sử.

BẢNG 2: Một số chỉ tiêu của tiểu vùng duyên hải phía Bắc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2005	2010
1	Diện tích tự nhiên	km ²	2.894,0	2.894,0	2.894,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	35,9	35,9	35,9
2	Dân số	người	455.819,0	481.192,0	497.116,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	56,8	58,0	58,5
3	Mật độ dân số	người/ km ²	56,5	59,7	171,8
4	GTSX CN-XD theo giá hiện hành	tỷ đồng	1.117,1	2.887,8	5.595,6
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	80,0	77,0	60,0
5	GTSX nông-lâm-ngư theo giá hiện hành	tỷ đồng	723,2	1.237,8	3.390,5
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	59,0	59,0	56,6
	GTSX NN (giá hiện hành)	tỷ đồng	419,7	713,7	1.942,7
	GTSX lâm nghiệp (giá hiện hành)	tỷ đồng	82,1	108,9	241,2
	GTSX thủy sản (giá hiện hành)	tỷ đồng	221,4	415,2	1.206,6
6	Dịch vụ	tỷ đồng	1.044,7	2.125,9	7.449,8
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	69,0	75,0	77,9
7	Tổng GTSX	tỷ đồng	2.885,0	6.251,5	16.435,9
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	69,9	72,0	66,0

2. Tiểu vùng duyên hải phía Nam

Tiểu vùng duyên hải phía Nam gồm huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy với diện tích đất tự nhiên 2.601 km², chiếm 32,3% diện tích toàn tỉnh; dân số năm 2010 là 227.372 người, chiếm 26,8% dân số toàn tỉnh. Tiểu vùng có vị trí phía bắc giáp thành phố Đồng Hới, phía nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía tây giáp Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và phía đông giáp biển Đông. Thị trấn Quán Hàu thuộc huyện Quảng Ninh trong tương lai sẽ trở thành thị xã thuộc tỉnh và có thể xem là đô thị hạt nhân của tiểu vùng. Giao thông của tiểu vùng cũng thuận lợi với việc có quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam chạy qua, quốc lộ 15. Tiểu vùng có 3 loại địa hình rõ rệt: phía tây là núi, tiếp đó là vùng đồi thoải và sau là dải đồng bằng

nhỏ hẹp ven biển và giáp biển là các cồn cát.

Tuy có vị trí ven biển tương tự như tiểu vùng duyên hải phía Bắc nhưng tiểu vùng duyên hải phía Nam lại có nền kinh tế kém phát triển hơn. Điều kiện tự nhiên của tiểu vùng duyên hải phía Nam không thuận lợi bằng tiểu vùng duyên hải phía Bắc (đất bạc màu), cơ sở hạ tầng kém phát triển. Giá trị sản xuất của tiểu vùng năm 2010 là 4.497,9 tỷ đồng và chỉ chiếm 18,1% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh. Nông nghiệp là ngành sản xuất chính của tiểu vùng. Năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của tiểu vùng chiếm tới 44,1 % tổng giá trị sản xuất toàn vùng. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại vẫn ở mức thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra chậm chạp.

BẢNG 3: Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất, tiểu vùng duyên hải phía Nam

Ngành	Đơn vị	2000	2005	2010
Nông - lâm - ngư nghiệp	%	47,3	38,9	44,1
Công nghiệp - xây dựng	%	22,4	33,0	25,1
Thương mại - dịch vụ	%	30,3	28,1	30,8

+ **Nông nghiệp:** Lúa là cây trồng chủ yếu của tiểu vùng. Diện tích lúa năm 2010 khoảng 21.000 ha, chiếm 26% diện tích lúa toàn tỉnh. Sản lượng lúa hằng năm ước đạt 90.000 tấn. Diện tích lúa có xu hướng giảm do chuyển sang trồng cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, vùng, mía, thuốc lá. Cây công nghiệp dài ngày như cao su, hồ tiêu, chè, cà phê được trồng chủ yếu ở khu vực phía tây tiểu vùng. Nhiều mô hình kinh tế trang trại tốt, cho hiệu quả kinh tế cao. Hệ thống thủy lợi (hệ thống thủy lợi Thượng Mỹ Trung) đang được đầu tư xây dựng sẽ là một động lực mới thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp.

Chăn nuôi liên tục phát triển, tổng đàn gia súc, gia cầm tăng trung bình từ 3% - 5 %/năm. Tiểu vùng duyên hải phía Nam cùng với tiểu vùng duyên hải phía Bắc là 2 khu vực trọng điểm chăn nuôi của tỉnh Quảng Bình.

Công tác bảo vệ, chăm sóc rừng phòng hộ chắn cát ven biển được chú trọng. Diện tích rừng trồng tập trung đạt khoảng 1.000 ha/năm. Việc bảo vệ chăm sóc phát triển rừng đã góp phần không nhỏ trong việc chống sa mạc hóa

do hiện tượng cát bay, giữ vững diện tích nông nghiệp hiện có.

Mặc dù có vùng ven biển tương tự như tiểu vùng duyên hải phía Bắc nhưng ngành thủy sản của tiểu vùng kém phát triển hơn, với sản lượng thủy sản năm 2010 khoảng 7.700 tấn và chỉ bằng 1/4 sản lượng thủy sản của tiểu vùng duyên hải phía Bắc. Việc thiếu các phương tiện đánh bắt xa bờ, trang thiết bị đánh bắt còn lạc hậu đã làm giảm hiệu quả kinh tế của khai thác hải sản xa bờ. Sản lượng nuôi trồng thủy sản hằng năm đều tăng, năm 2000 là 620 tấn, năm 2005 là 1.470 tấn, năm 2010 là 2.720 tấn.

Nông nghiệp là ngành sản xuất chủ yếu của tiểu vùng nhưng tăng trưởng hằng năm vẫn còn chậm cả về sản lượng lẫn giá trị do có những hạn chế về điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện kinh tế xã hội. Việc đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi chủ động tưới tiêu hạn chế những bất lợi của điều kiện tự nhiên, nâng cấp phương tiện đánh bắt hải sản xa bờ sẽ giúp tiểu vùng khai thác được thế mạnh ven biển sẽ là những giải pháp chủ yếu để phát triển ngành nông nghiệp của tiểu vùng.

BẢNG 4: Một số chỉ tiêu của tiểu vùng duyên hải phía Nam

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2005	2010
1	Diện tích tự nhiên	km ²	2.607,0	2.607,0	2.607,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	32,3	32,3	32,3
2	Dân số	người	227.868,0	227.269,0	227.372,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	28,4	27,4	26,8
3	Mật độ dân số	người/km ²	87,4	87,2	87,2
4	GTSX nông-lâm-ngư	tỷ đồng	384,7	656,5	1.985,4
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	31,3	31,4	33,2
	4.1. GTSX NN (giá hiện hành)	tỷ đồng	318,4	533,8	1.618,8
	4.2. GTSX lâm nghiệp (giá hiện hành)	tỷ đồng	31,4	40,2	116,1
	4.3. GTSX thủy sản (giá hiện hành)	tỷ đồng	34,9	82,5	250,5
5	GTSX CN-XD (giá hiện hành)	tỷ đồng	182,6	557,7	1.128,4
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	13,1	14,9	12,1
6	Dịch vụ	tỷ đồng	246,6	474,9	1.384,1
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	16,4	16,7	14,5
7	Tổng GTSX	tỷ đồng	813,9	1.689,1	4.497,9
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	19,7	19,5	18,1

+ **Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:** Công nghiệp của tiểu vùng tập trung chủ yếu ở huyện Quảng Ninh với các xí nghiệp như xi măng Ánh Sơn, xí nghiệp chế biến gỗ Nam Long, xí nghiệp đóng tàu Nhật Lệ. Các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp gồm có chiếu cói, mộc dân dụng...

+ **Dịch vụ - thương mại:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có bước phát triển khá trong giai đoạn 2000 - 2010, năm 2000 là 813,9 tỷ đồng, năm 2005 là 1.690 tỷ đồng và năm 2010 là 3.775 tỷ đồng.

3. Tiểu vùng miền núi phía Tây

Tiểu vùng miền núi phía Tây gồm 2 huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa với diện tích tự nhiên là 2.564 km², bằng 31,8% diện tích của tỉnh Quảng Bình. Dân số năm 2010 là 124.783 người, bằng 14,7% dân số của tỉnh. Tiểu vùng miền núi phía Tây là nơi có mật độ dân số thấp nhất tỉnh, năm 2010 là 48,7 người/km². Tiểu vùng miền núi phía Tây có phía tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phía bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía nam giáp huyện Bố Trạch, phía đông giáp huyện Quảng Trạch và là tiểu vùng duy nhất

không giáp biển. Tiểu vùng miền núi phía Tây có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, độ cao trung bình từ 900 đến 1.000 m. Các nhóm đất chủ yếu của tiểu vùng là nhóm đất đỏ vàng, nhóm đất xám phát triển trên nền đá vôi, đá bazan. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều, có mùa đông lạnh, ngắn thích hợp với các loại cây trồng dài ngày như cây cao su, cây ăn quả. Tiểu vùng miền núi phía Tây là nơi tập trung đông bào dân tộc thiểu số. Cơ sở hạ tầng của tiểu vùng kém phát triển, nhiều nơi vẫn chưa có đường ô tô đến xã. Đi qua tiểu vùng có quốc lộ 12A nối với Lào tại cửa khẩu Cha Lo, quốc lộ 15.

Trong những năm gần đây, giá trị sản xuất của tiểu vùng có những bước phát triển vượt bậc, nếu năm 2000, giá trị sản xuất chỉ đạt 429,7 tỷ đồng, năm 2005 là 740,1 tỷ đồng và năm 2010 đã tăng 7,7 lần lên 3.970,2 tỷ đồng. Đóng góp vào sự tăng trưởng mạnh mẽ giá trị sản xuất chủ yếu do ngành công nghiệp. Một số xí nghiệp công nghiệp mới đi vào hoạt động đã làm thay đổi hẳn cơ cấu kinh tế của tiểu vùng, điều đó nói lên rằng quy mô của nền kinh tế quá nhỏ bé.

Bảng 5: Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất, tiểu vùng miền núi phía Tây

Ngành	Đơn vị	2000	2005	2010
Nông - lâm - ngư nghiệp	%	28,6	26,3	15,4
Công nghiệp - xây dựng	%	21,8	39,9	66,2
Thương mại - dịch vụ	%	49,6	33,8	18,4

+ Nông nghiệp:

Giá trị sản xuất nông nghiệp liên tục tăng, năm 2000 là 122,7 tỷ đồng, năm 2005 là 195,2 tỷ đồng và năm 2010 là 611,2 tỷ đồng. So với toàn tỉnh, giá trị sản xuất nông nghiệp của tiểu vùng chỉ bằng khoảng 10%. Tổng sản lượng lương thực của tiểu vùng năm 2010 là 27.050 tấn, mới chỉ đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu lương thực của người dân. Kinh tế trang trại kém phát triển, năm 2010, tiểu vùng mới có 17 trang trại, chủ yếu là trang trại chăn nuôi. Năng suất vật nuôi cây trồng của tiểu vùng luôn ở mức thấp nhất trong toàn tỉnh. Thế mạnh của tiểu vùng là cây công nghiệp. Diện tích cây công nghiệp hằng năm

của tiểu vùng năm 2010 là 2.747 ha, cao nhất trong 3 tiểu vùng. Diện tích cây công nghiệp lâu năm, năm 2010 là 1.051,3 ha, đứng thứ 2 sau tiểu vùng duyên hải phía Bắc.

Chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò là thế mạnh của tiểu vùng. Tổng đàn trâu, bò năm 2010 của tiểu vùng là 48.123 con, đứng thứ 2 sau tiểu vùng duyên hải phía Bắc.

Mặc dù có thế mạnh về đất rừng nhưng giá trị sản xuất lâm nghiệp của tiểu vùng vẫn còn rất nhỏ bé. Năm 2000, giá trị sản xuất lâm nghiệp là 14,2 tỷ đồng, năm 2005 là 23,9 tỷ đồng và năm 2010 là 76,9 tỷ đồng.

Thủy sản không phải là thế mạnh của tiểu vùng. Sản lượng thủy sản hằng năm rất ít,

năm 2010 chỉ vào khoảng 446 tấn, thấp nhất so với 2 tiểu vùng còn lại.

+ **Công nghiệp - xây dựng:** Giá trị sản xuất công nghiệp có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Năm 2000, giá trị sản xuất công nghiệp là 17,7 tỷ đồng, năm 2005 là 69,1 tỷ đồng, năm 2010 là 2.629,9 tỷ đồng, gấp 148,6 lần so với năm 2000. Các cơ sở công nghiệp chủ yếu tập trung ở huyện Tuyên Hóa. Các sản phẩm công nghiệp chính gồm vật liệu xây dựng,

chế biến gỗ...Việc nhà máy xi măng sông Gianh với công suất 1,5 triệu tấn/năm, đi vào hoạt động từ năm 2006 đã làm thay đổi hẳn tỷ trọng công nghiệp - xây dựng.

+ **Dịch vụ - thương mại:** Thương mại - dịch vụ của tiểu vùng trong 5 năm trở lại đây có những bước phát triển rất mạnh. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2005 là 249,8 tỷ đồng, đến năm 2010 là 561,6 tỷ đồng, tăng 2,2 lần.

Bảng 6: Một số chỉ tiêu của tiểu vùng miền núi phía Tây

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2005	2010
1	Diện tích tự nhiên	km ²	2.564,0	2.564,0	2.564,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	31,8	31,8	31,8
2	Dân số	người	118.396,0	121.805,0	124.783,0
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	14,8	14,7	14,7
3	Mật độ dân số	người/km ²	46,2	47,5	48,7
4	GTSX nông-lâm-ngư	tỷ đồng	122,7	195,2	611,2
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	10,0	9,3	10,2
	4.1. GTSX NN (giá hiện hành)	tỷ đồng	103,2	164,0	519,7
	4.2. GTSX lâm nghiệp (giá hiện hành)	tỷ đồng	14,2	23,9	76,9
	4.3. GTSX thủy sản (giá hiện hành)	tỷ đồng	5,3	7,3	14,6
5	GTSX CN-XD (giá hiện hành)	tỷ đồng	93,8	295,1	2.629,9
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	6,7	7,9	28,2
6	Dịch vụ	tỷ đồng	213,2	249,8	729,1
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	14,2	8,8	7,6
7	Tổng GTSX	tỷ đồng	429,7	740,1	3.970,2
	<i>So với toàn tỉnh</i>	%	10,4	8,5	15,9

* *
*

Sự phân hóa lãnh thổ kinh tế của tỉnh Quảng Bình thành các tiểu vùng kinh tế giúp cho tỉnh Quảng Bình có thể xác định được những thuận lợi và khó khăn của từng vùng từ đó có các định hướng phát triển nhằm khai thác tối đa các lợi thế của từng vùng, sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên hướng tới sự phát triển bền vững cho tỉnh.

- Định hướng phát triển tiểu vùng duyên hải phía Bắc

Tiểu vùng duyên hải phía Bắc được coi là vùng lãnh thổ động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phương hướng phát triển của tiểu vùng là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh

tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông, ngư và lâm nghiệp.

Về nông nghiệp, phát huy tiềm năng đất đai, hệ thống thủy lợi sẵn có hình thành vùng lúa cao sản. Các vùng gò, đồi thích hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp ngắn, dài ngày. Xây dựng vùng sản xuất cây công nghiệp như mía, lạc, ớt, hồ tiêu, cao su. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Chú trọng trồng rừng phòng hộ, rừng ven biển chống cát, rừng kinh doanh kết hợp với việc bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển tổng hợp kinh tế thủy sản gồm cả đánh bắt, nuôi trồng và chế biến.

Về công nghiệp, cùng với việc tiếp tục phát triển vững chắc công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản dựa trên thế mạnh của tiểu vùng,

phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, công nghiệp cơ khí, điện tử. Phục hồi và mở rộng sản xuất thủ công nghiệp truyền thống như mộc dân dụng, mỹ nghệ, mây tre đan... Phương châm phát triển của tiểu vùng là đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất hướng vào những sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định.

Về thương mại, dịch vụ phát triển mạng lưới chợ rộng khắp, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Đồng Hới, cải tạo các chợ Ba Đồn, chợ Hoàn Lão, chợ Ròn thành các trung tâm thương mại lớn. Tích cực tu bổ, tôn tạo, phát triển các điểm du lịch, nghỉ mát, danh lam thắng cảnh như Phong Nha - Kẻ Bàng, Đá Nhảy.

- Định hướng phát triển tiểu vùng duyên hải phía Nam

Lợi thế của tiểu vùng là đất lâm nghiệp nhiều, bờ biển dài, trữ lượng cát thủy tinh, đá vôi, sét gạch ngói lớn.

Về nông nghiệp, xây dựng các vùng chuyên canh lúa, vùng màu, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả. Cây lương thực, tập trung vào 3 loại cây trồng chính là lúa, ngô và khoai lang; cây công nghiệp là lạc, mía, đậu xanh, cao su, hồ tiêu. Phát triển chăn nuôi đại gia súc ở các vùng đồng cỏ, chăn nuôi lợn, gia cầm.

Về lâm nghiệp, chú trọng trồng rừng đầu nguồn, rừng chắn cát ven biển. Thực hiện nông lâm kết hợp, tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình trang trại.

Phát triển ngành sản xuất thủy sản cả về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

Về công nghiệp, phát triển theo hướng chính là sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói, công nghiệp khai khoáng (đá, cát, sỏi), sản xuất phương tiện vận tải, chế biến lương thực thực phẩm, chế biến gỗ. Phương châm phát triển của tiểu vùng là cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có đồng thời đổi mới công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất.

Về thương mại - dịch vụ, phát triển mạng lưới bán lẻ, xây dựng các trung tâm thương mại

như Quán Hàu, Nam Long - Áng Sơn, Kiên Giang.

- Định hướng phát triển tiểu vùng miền núi phía Tây

Phương hướng phát triển của tiểu vùng là phát triển kinh tế theo hướng nông - lâm - ngư nghiệp, đưa giống lúa mới vào sản xuất, ổn định diện tích trồng màu, tăng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, mía; cây công nghiệp dài ngày như cao su, hồ tiêu. Phát triển các mô hình vườn đồi, vườn rừng nhằm tạo ra các sản phẩm hàng hóa. Mục tiêu trước mắt là xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Về lâm nghiệp, hướng phát triển chủ yếu là khoanh nuôi, bảo vệ, tu bổ và trồng rừng kết hợp với khai thác một cách hợp lý. Kết hợp tốt việc đầu tư phát triển vốn rừng với việc kinh doanh dưới tán rừng theo hướng lâm nông kết hợp. Định canh, định cư và chấm dứt phá rừng làm nương rẫy.

Về công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ.

Về thương mại, dịch vụ, du lịch cần củng cố mạng lưới bán lẻ đến tận các xã, xây dựng mạng lưới chợ nông thôn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Ân và nnk (2007), *Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội hành lang quốc lộ 12A tỉnh Quảng Bình*, Viện chiến lược phát triển, Hà Nội.
2. Lại Vĩnh Cẩm, Trần Văn Ý và nnk (2002), *Xây dựng luận cứ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền tây Quảng Bình sau khi hoàn thành đường Hồ Chí Minh*, Viện Địa lí — Viện Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Đình Hòa (2007), *Tổ chức lãnh thổ tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*, luận văn thạc sỹ, ĐHSP Hà Nội.
4. UBND tỉnh Quảng Bình (2003), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2000 - 2010*, Đồng Hới.
5. UBND tỉnh Quảng Bình (2009), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2020*, Đồng Hới.